

Bản án số: **28/2017/HS-ST**
Ngày 08 - 12 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hương.

Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Minh Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Sáng

Bà Nguyễn Thị Hiên

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Ông Trần Công Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 20/2017/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2017/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Đỗ Đức T, sinh ngày 02 tháng 02 năm 1996 tại Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn TL, xã PL, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Tự T, sinh năm 1974 và bà Đoàn Thị H, sinh năm 1979; vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giam ngày từ ngày 29/01/2017. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh TQ. (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo:

Ông Hoàng Thanh K – Luật sư – Văn phòng luật sư HTK và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh TQ bào chữa cho bị cáo Đỗ Đức T. (Có mặt).

- Người bị hại: Bà Nguyễn Thị Ta, sinh năm 1976. Trú tại: Thôn TL, xã PL, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1979. Trú tại: Thôn TL, xã PL, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang. (Có mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Anh **Đoàn Nghĩa H**, sinh năm 1988. Vắng mặt

Trú tại: Xóm 6, thị trấn HS, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên.

2. Anh **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1992.

Trú tại: Thôn TL, xã PL, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang.

3. Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1996.

Trú tại: Thôn Q1, xã MB, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang.

4. Anh **Vũ Văn Q**, sinh năm 1993. Vắng mặt

Trú tại: Thôn TL, xã PL, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang.

5. Chị **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1982.

Trú tại: Thôn TL, xã PL, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang.

6. Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1985.

Trú tại: Xóm YL, xã HK, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang.

7. Anh **Vũ Đức B**, sinh năm 1985.

Trú tại: Thôn TL, xã PL, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang.

8. Anh **Vũ Văn K**, sinh năm 1987.

Trú tại: Thôn TL, xã PL, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang.

9. Anh **Đoàn Văn C**, sinh năm 1978.

Trú tại: Thôn TL, xã PL, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang.

10. Anh **Vũ Đức T**, sinh năm 1984.

Trú tại: Thôn TL, xã PL, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang.

11. Anh **Nguyễn Tuấn A**, sinh năm 2000. Vắng mặt

Trú tại: Thôn TL, xã PL, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang.

(anh Đoàn Nghĩa H, Vũ Văn Q và Nguyễn Tuấn A vắng mặt; những người làm chứng còn lại có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 28/01/2017 (tức ngày Mùng 1 tết Nguyên Đán năm 2017), Đỗ Đức T, sinh năm 1996 và Nguyễn Tuấn A, sinh năm 2000, cùng trú tại thôn TL, xã PL, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang sau khi uống rượu ở nhà ông Phạm Văn L, trú tại thôn GG, xã PL xong, T điều khiển xe mô tô đưa Nguyễn Tuấn A về. Khi đến nhà Nguyễn Tuấn A thì có bố mẹ Tuấn A là ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị Ta, chị gái và anh rể của Tuấn A là chị Nguyễn Thị T, anh Vũ Văn P và một số người ở cùng thôn TL, xã PL, gồm có anh Vũ Văn H, Vũ Đức T, Vũ

Văn K, Vũ Văn Q, Vũ Đức B và anh Nguyễn Văn T, trú tại xóm YL 1, xã HK, huyện YS đang ngồi chơi, chúc tết ở phòng khách, T đi vào ngồi uống nước và nói chuyện cùng mọi người. Một lúc sau anh X, anh H, anh Vũ Đức T, anh K, anh Q, anh B và anh T rủ nhau đi ra căn nhà gỗ phía sau nhà bà Ta chơi; chị T và anh Q đi về nhà ở thôn Q 1, xã MB, huyện YS; Nguyễn Tuấn A đi chơi, còn T và bà Ta ngồi uống nước nói chuyện ở phòng khách.

T rủ bà Ta đi ra thành phố Tuyên Quang chơi nhưng bà Ta nói rét và không đồng ý. Lúc này T nảy sinh ý định muốn quan hệ tình dục với bà Ta, T đi vào nhà và khép cửa lại thì bà Ta bảo T mở cửa ra vì còn sớm, để mọi người đến chúc tết, T không nói gì đi đến dùng hai tay bế bà Ta vào trong buồng ngủ, bà Ta giẫy giụa bảo T bỏ ra. Khi vào trong buồng ngủ, T đứng dưới và đặt bà Ta xuống giường dùng tay trái kéo quần bà Ta xuống, nhưng do bà Ta dùng tay giữ cạp quần nên T không kéo được, bà Ta dùng chân đạp T và nói “Bỏ ra, rồ à không tao kêu lên”. Sợ bà Ta kêu và nói cho mọi người biết, T từ bỏ ý định quan hệ tình dục với bà Ta, T dùng tay bịt miệng và bóp cổ bà Ta cho đến khi bà Ta bị ngất thì T bỏ bà Ta ra. T lấy máy tính bảng nhãn hiệu Telego của bà Ta để trên giường bật màn hình sáng đi ra xem có ai không. Khi ra đến phòng khách, T nhìn thấy ông Nguyễn Văn X (chồng bà Ta) đang đứng ở ngoài sân, T giấu máy tính bảng sau lưng áo và đi ra hỏi ông X đi đâu, ông X nói đi mua nước, sau đó T cho ông X mượn xe mô tô của mình để đi mua nước.

Sau khi ông X đi, T lấy máy tính bảng cầm tay phải rồi quay lại buồng ngủ thì nhìn thấy ở nền bếp gần hành lang đi qua buồng ngủ có 01 con dao chuôi gỗ dài 40,3 cm cả chuôi, bản rộng khoảng 6,4 cm. Nghĩ bà Ta tỉnh dậy sẽ nói cho mọi người biết sự việc trên nên T nảy sinh ý định giết bà Ta. T cầm dao bằng tay trái đi vào buồng, lúc này bà Ta vẫn nằm bất tỉnh trên giường, bản chân phải dưới nền nhà, T đi đến cầm dao vung lên chém mạnh một nhát trúng vào vùng trán bên trái bà Ta. Thấy bà Ta nằm im, máu chảy nhiều ở trán, nghĩ bà Ta đã chết, T đặt chân phải bà Ta lên giường và đắp chăn ngang người bà Ta thì T phát hiện ở cổ bà Ta đeo 01 sợi dây chuyền bằng vàng, ở cổ tay đeo 01 lắc vàng, T tháo lấy dây chuyền và lắc đeo tay vàng cho vào túi quần đang mặc rồi dùng máy tính bảng bật màn hình sáng soi đường, tay trái T cầm dao đi ra phía cửa buồng thì T phát hiện 01 chiếc ba lô đựng quần áo hờ có số tiền, T lục soát lấy được 1.600.000 đồng rồi đi ra khỏi nhà bà Ta, T đi sang nền nhà cũ của gia đình anh Nguyễn Văn C sát cạnh nhà bà Ta giấu con dao ở đồng xỉ và dùng tấm Prôximăng đập lên. Sau đó T đi bộ đến khu vực đồi chè thuộc thôn 19, xã PL, huyện YS cất giấu 01 máy tính bảng; 01 lắc vàng; 01 dây chuyền vàng; 1.600.000 đồng là tài sản chiếm đoạt của bà Ta và 12.000 đồng của T dưới gốc cây chè rồi tiếp tục đi chơi.

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày bà Ta tỉnh dậy nói lại cho mọi người biết sự việc, sau đó mọi người đưa bà Ta đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang cấp

cứu; T bị bắt đã khai vị trí cất giấu tài sản đã chiếm đoạt và con dao. Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 con dao (loại dao tu) trên bề mặt dao có bắm dính dấu vết màu nâu đỏ, khô (ký hiệu A3); 01 lắc tay đeo kim loại màu vàng, 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng; 01 máy tính bảng nhãn hiệu Telego và 1.612.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự 08/KLĐG ngày 09 tháng 02 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện YS, tỉnh Tuyên Quang kết luận:

Lắc tay bằng vàng 9999, trọng lượng 3 chỉ và dây chuyền vàng 9999 trọng lượng 4 chỉ khảo sát thị trường loại vàng 9999 tương đương có giá 3.480.000 đồng/ chỉ x 7 chỉ = 24.360.000 đồng.

Máy tính bảng nhãn hiệu Telego màu trắng là máy cũ đã qua sử dụng tại thời điểm định giá máy tính bảng còn lại 70%, căn cứ theo phiếu khảo sát giá tháng 01/2017 máy tính bảng nhãn hiệu Telego giá cùng loại tương đương mới 100% trên thị trường có giá là (2.100.000 đồng x 70%) = 1.470.000 đồng.

Tổng giá trị: 25.830.000 đồng.

Khám nghiệm hiện trường, Cơ quan điều tra đã thu giữ vết màu nâu tại nền nhà (ký hiệu A1) và chân bông (ký hiệu A2).

Kết luận giám định số: 127/GĐSH(PC54) ngày 28/02/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TQ, kết luận:

Dấu vết (A1, A2) thu tại hiện trường là máu người, thuộc nhóm máu O.

Dấu vết màu nâu bắm dính trên con dao (A3) gửi giám định là máu người, thuộc nhóm máu O.

Kết luận giám định số: 458/GĐSH(PC54) ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TQ, kết luận: Máu của bà Nguyễn Thị Ta gửi giám định thuộc nhóm máu O.

Bản kết luận giám định Pháp y về thương tích số: 35/2017/TgT ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Trung tâm Pháp y tỉnh TQ đối với bà Nguyễn Thị Ta, kết luận:

Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo trán trái kích thước, tính chất như mô tả.

Cơ chế, vật gây thương tích: Thương tích trên là do vật sắc tác động trực tiếp gây nên.

Căn cứ Bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y. Áp dụng chương 9, mục IV, điểm 1. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 11% (Mười một phần trăm).

Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại cho người bị hại bà Nguyễn Thị Ta 01 lắc tay bằng vàng, 01 dây chuyền vàng, 01 máy tính bảng hiệu Telego và 1.600.000 đồng; trả lại cho bị cáo Đỗ Đức T 12.000 đồng (bà Đoàn Thị H là mẹ của T nhận tiền).

Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Đức T tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nội dung khai báo của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, không có tình tiết gì mới.

Bản Cáo trạng số 20/QĐ-KSĐT ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Đỗ Đức T về tội “Giết người” theo quy định tại điểm e, n khoản 1 Điều 93 và tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Đỗ Đức T và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt:

Áp dụng: điểm e, n khoản 1 Điều 93; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 18; khoản 3 Điều 52 và Điều 33 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đỗ Đức T từ 08 (tám) năm tù đến 09 (chín) năm tù về tội Giết người.

Áp dụng: khoản 1 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đỗ Đức T từ 04 (bốn) năm tù đến 05 (năm) năm tù về tội Cướp tài sản.

Áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Đỗ Đức T phải chịu hình phạt chung cho cả hai tội từ 12 (mười hai) năm tù đến 14 (mười bốn) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 29 tháng 01 năm 2017.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo Đỗ Đức T đã tác động đến gia đình bị cáo (bà Đoàn Thị H mẹ đẻ của bị cáo) đã thỏa thuận bồi thường cho gia đình người bị hại bà Nguyễn Thị Ta tổng số tiền là 15.972.000 đồng (trong đó tiền viện phí, tiền thuốc chữa bệnh là 5.972.000 đồng và thỏa thuận bồi thường thêm là 10.000.000 đồng). Tại phiên tòa người bị hại không đề nghị gì thêm về phần bồi thường dân sự.

Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ:

- 01 (một) con dao bằng kim loại chuôi gỗ, có tổng chiều dài 40,3 cm, bản dao và lưỡi dao dài 28 cm, bản dao chỗ rộng nhất là 6,4 cm, trên bản dao có khắc chữ “THILY”. Tại đầu bản dao có khuyết hình tròn đường kính 1,1 cm, phần chuôi gỗ có đánh dấu X khắc sâu vào phần chuôi gỗ. Dao cũ đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh TQ và Cục Thi hành án dân sự tỉnh TQ lập ngày 04/10/2017).

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Đức T trình bày luận cứ: Nhất trí với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố đối với bị cáo Đỗ Đức T, nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo. Đối với tội Giết người, do bị cáo phạm tội chưa đạt nên áp dụng Điều 18, khoản 3 Điều 52 Bộ luật Hình sự để xem xét cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo đã tác động đến gia đình thỏa thuận bồi thường xong cho người bị hại, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, ông nội của bị cáo (ông Đỗ Trọng T) được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất và bà nội của bị cáo (bà Hà Thị O) tham gia cựu thanh niên xung phong Việt Nam và tham gia dân công hỏa tuyến. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự xử bị cáo với mức hình phạt thấp nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự, quá trình điều tra bị cáo Đỗ Đức T đã tác động đến gia đình bị cáo thỏa thuận bồi thường xong cho gia đình người bị hại. Tại phiên tòa người bị hại không đề nghị gì thêm về phần bồi thường dân sự.

Người bị hại bà Nguyễn Thị Ta đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đỗ Đức T. Quá trình điều tra, gia đình bị cáo T đã bồi thường xong các khoản tiền viện phí, tiền thuốc chữa bệnh là 5.972.000 đồng và thỏa thuận bồi thường thêm là 10.000.000 đồng nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm về phần bồi thường dân sự.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo Đỗ Đức T nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Đức T tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh TQ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TQ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác

không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Hội đồng xét xử đảm bảo xét xử đúng quy định của pháp luật; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng chức trách, ghi biên bản trung thực, phản ánh đúng diễn biến tại phiên tòa.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo, căn cứ vào lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, lời khai của những người làm chứng; căn cứ vào biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 28/01/2017, tại thôn TL, xã PL, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang, Đỗ Đức T đã có hành vi bóp cổ và dùng dao chuôi gỗ dài 40,3 cm, bản rộng 6,4 cm chém một nhát vào vùng chán bên trái, mục đích giết bà Nguyễn Thị Ta, hậu quả bà Ta bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 11% (Mười một phần trăm).

Ngay sau khi chém bà Ta, Đỗ Đức T có hành vi chiếm đoạt của bà Ta 01 lắc tay vàng 9999 trọng lượng 03 chỉ, 01 dây chuyền vàng 9999 trọng lượng 04 chỉ giá trị 24.360.000 đồng; 01 máy tính bảng nhãn hiệu Telego giá trị 1.470.000 đồng và 1.600.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 27.430.000 đồng (Hai mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo Đỗ Đức T là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, tài sản của người khác. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực nhận thức hành vi của mình nhưng đã coi thường pháp luật. Bị cáo phạm tội do lỗi cố ý, ngay sau khi bóp cổ và dùng dao chém vào vùng đầu nhằm tước đoạt mạng sống của người bị hại, bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi cướp những tài sản có giá trị của nạn nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo đã vi phạm điểm e, n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự về tội Giết người và khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự về tội Cướp tài sản. Như vậy, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố đối với bị cáo Đỗ Đức T là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi trên của bị cáo thể hiện sự hung hãn, côn đồ, tác động xấu đến trật tự xã hội tại địa phương. Do vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa mới đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại; bị cáo có ông nội là ông Đỗ Trọng T được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất và bà nội là bà Hà Thị O đã có thời gian tham gia cựu thanh

niên xung phong Việt Nam và tham gia dân công hỏa tuyến; bị cáo giết người thuộc trường hợp chưa đạt nên áp dụng Điều 18, khoản 3 Điều 52 Bộ luật Hình sự cho bị cáo để quyết định mức án cho phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về mức án mà Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp nên chấp nhận xử bị cáo ở mức khởi điểm đề nghị của 02 tội.

[7] Về luận cứ bào chữa của Luật sư, trên cơ sở nội dung tranh tụng tại phiên tòa và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Luật sư đề nghị, Hội đồng xét xử sẽ xem xét quyết định một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và đủ tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo. Không chấp nhận đề nghị của Luật sư về áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự vì không có căn cứ.

[8] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo Đỗ Đức T đã tác động đến gia đình bị cáo (bà Đoàn Thị H mẹ đẻ của bị cáo) đã thỏa thuận bồi thường cho gia đình người bị hại bà Nguyễn Thị Ta tổng số tiền là 15.972.000 đồng (trong đó tiền viện phí, tiền thuốc chữa bệnh là 5.972.000 đồng và thỏa thuận bồi thường thêm là 10.000.000 đồng). Tại phiên tòa người bị hại không đề nghị gì thêm về phần bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị H: Tại phiên tòa bà H không đề nghị bị cáo Đỗ Đức T phải hoàn trả lại số tiền mà bà đã bồi thường thay cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ:

- 01 (một) con dao bằng kim loại chuôi gỗ, có tổng chiều dài 40,3 cm, bản dao và lưỡi dao dài 28 cm, bản dao chỗ rộng nhất là 6,4 cm, trên bản dao có khắc chữ “THILY”. Tại đầu bản dao có khuyết hình tròn đường kính 1,1 cm, phần chuôi gỗ có đánh dấu X khắc sâu vào phần chuôi gỗ. Dao cũ đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh TQ và Cục Thi hành án dân sự tỉnh TQ lập ngày 04/10/2017).

Tại phiên tòa người bị hại bà Nguyễn Thị Ta không yêu cầu nhận lại con dao của gia đình bà Ta mà bị cáo T dùng gây thương tích cho bà. Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy vật chứng trên là công cụ, phương tiện phạm tội của bị cáo không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

Đối với bản gốc Giấy khai sinh của bị cáo Đỗ Đức T có lưu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy cần trả lại cho bị cáo (do mẹ của bị cáo là bà Đoàn Thị H nhận thay bằng biên bản bàn giao giữa thư ký phiên tòa và bà Đoàn Thị H).

[11] Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[12] Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điểm e, n khoản 1 Điều 93; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 18; khoản 3 Điều 52 và Điều 33 Bộ luật Hình sự;

Khoản 1 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự;

Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự;

Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 231 và Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Đức T phạm tội “Giết người” và “Cướp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Đỗ Đức T 08 (tám) năm tù về tội Giết người và 04 (bốn) năm tù về tội Cướp tài sản.

Áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Đỗ Đức T phải chịu hình phạt chung cho cả hai tội là 12 (mười hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 29 tháng 01 năm 2017.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) con dao bằng kim loại chuôi gỗ, có tổng chiều dài 40,3 cm, bản dao và lưỡi dao dài 28 cm, bản dao chỗ rộng nhất là 6,4 cm, trên bản dao có khắc chữ “THILY”. Tại đầu bản dao có khuyết hình tròn đường kính 1,1 cm, phần chuôi gỗ có đánh dấu X khắc sâu vào phần chuôi gỗ. Dao cũ đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh TQ và Cục Thi hành án dân sự tỉnh TQ lập ngày 04/10/2017).

Trả lại cho bị cáo Đỗ Đức T 01 bản gốc Giấy khai sinh mang tên Đỗ Đức T, do mẹ của bị cáo là bà Đoàn Thị H nhận thay bằng biên bản bàn giao giữa thư ký phiên tòa và bà Đoàn Thị H.

Về án phí: Bị cáo Đỗ Đức T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Cục THADS tỉnh T. Quang;
- Công an tỉnh T.Quang (CQCSĐT + Phòng hồ sơ);
- Trại tạm giam Công tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh T.Quang;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS + Toà án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hương